

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp về xác định con
cho cha.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thương.

Ông Nguyễn Huy Hoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Như Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2024/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp về xác định con cho cha”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Cụm E, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Duy N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Cụm E, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nội dung vụ việc như sau: Anh Đỗ Duy N và chị Nguyễn Thị Kim T1 đã từng là vợ chồng. Khoảng năm 2018, chị T1 và anh N sống ly thân do vợ chồng mâu thuẫn. Trong khoảng thời gian này, chị T1 và anh Nguyễn Anh Tự phát s quan hệ như vợ chồng. Sau đó chị T1 mang thai và đến ngày 12/01/2020 sinh được một bé gái đặt tên là Nguyễn Huyền G nhưng chị T1 chưa khai sinh cho cháu G tại cơ quan hộ tịch có thẩm quyền theo quy định. Ngày 24/12/2020, anh N và chị T1 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 187/2020/QĐST- HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Đ. Do chị T1

không trình bày với Tòa án về cháu G nên Tòa án không quyết định nội dung gì liên quan đến cháu G. Ngày 15/02/2022, chị T1 và anh T đã đăng ký kết hôn và muốn khai sinh cho cháu G nhưng do cháu G được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T1 và anh N nên cơ quan đăng ký hộ tịch đã từ chối khai sinh cho cháu G là con anh T. Vì vậy, anh T khởi kiện đề nghị Tòa án xác định bé gái được chị Nguyễn Thị Kim T1 sinh ra vào ngày 12/01/2020 tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ theo giấy chứng sinh số 82, quyển 01 cấp ngày 07/4/2022, có quan hệ huyết thống cha- con với anh.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản gốc Kết quả phân tích AND huyết thống do Trung tâm xét nghiệm của Phòng khám Đ thuộc Sở Y thực hiện và kết luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xác định anh Nguyễn Anh T là cha đẻ của cháu Nguyễn Huyền G, sinh ngày 12/01/2020. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Anh T khởi kiện anh Đỗ Duy N đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Huyền G, được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh Đỗ Duy N với chị Nguyễn Thị Kim T1, có quan hệ huyết thống cha- con với anh T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đ theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị Kim T1 đều thừa nhận giữa anh chị đã phát sinh quan hệ như vợ chồng với nhau sau đó chị T1 mang thai và sinh được một con gái vào ngày 12/01/2020. Lời khai nhận của anh T và chị T1 phù hợp lời trình bày của anh Đỗ Duy N, phù hợp với kết quả phân tích ADN huyết thống ngày 04/6/2024 của Trung tâm xét nghiệm của Phòng khám Đ thuộc Sở Y đã kết luận anh Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Huyền G (tên do người yêu cầu xét nghiệm cung cấp) có quan hệ huyết thống cha- con gái. Vì vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Anh T về việc xác định cháu Nguyễn Huyền G (tên do anh T cung cấp) là con đẻ của anh T là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh **Đỗ Duy N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do tại phiên tòa anh **Nguyễn Anh T** xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh **T**, không buộc anh **N** phải nộp tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Anh T**

1. Tuyên bố anh **Nguyễn Anh T** và cháu gái (tên thường gọi là **Nguyễn Huyền G**) do chị **Nguyễn Thị Kim T1** sinh ra ngày 12/01/2020 tại **Bệnh viện đa khoa huyện Đ**, theo Giấy chứng sinh số 82 quyển 01 ngày 07/4/2022, có quan hệ huyết thống cha- con gái.

Anh **Nguyễn Anh T**, chị **Nguyễn Thị Kim T1** có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục khai sinh cho cháu bé theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về án phí: Công nhận sự tự nguyện của anh **Nguyễn Anh T** chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 03/7/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đ,
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đ,
TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

